



## **CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TRIỂN KHAI THI HÀNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 VỀ QUYỀN NHÂN THÂN**

**TS. Đinh Trung Tụng**

### **I. TỔNG QUAN VỀ QUYỀN NHÂN THÂN TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015**

Quyền nhân thân là một trong những chế định quan trọng của Bộ luật dân sự Việt Nam (năm 1995, 2005, 2015). Trải qua hai lần sửa đổi, chế định quyền nhân thân trong Bộ luật dân sự năm 2015 đã được hoàn thiện và có nhiều quy định cụ thể so với Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết các vấn đề bất cập trong thực tiễn áp dụng cũng như yêu cầu cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 (Chương II – Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) về việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân về dân sự.

Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định về các quyền nhân thân của cá nhân từ Điều 25 đến Điều 39. Điều 25 quy định: *“Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*.

So với Bộ luật dân sự năm 2005, quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 có những điểm mới sau đây:

1. Khác với quy định về quyền nhân thân trong Bộ luật dân sự năm 2005 có phạm vi rất rộng (26 quyền), bao gồm cả những quyền thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, quyền không chỉ gắn với lợi ích mà còn gắn cả với những lợi ích khác về tài sản... thì Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ quy định các quyền nhân thân liên quan đến việc xác định tư cách chủ thể của cá nhân khi tham gia các quan hệ dân sự và những quyền nhân thân gắn liền với lợi ích tinh thần của cá nhân, nhưng chưa được quy định cụ thể trong Hiến pháp, bao gồm: (1) Quyền có họ, tên (Điều 26); (2) Quyền thay đổi họ (Điều 27); (3) Quyền thay đổi tên (Điều 28); (4) Quyền xác định, xác định lại dân tộc (Điều 29); (5) Quyền được khai sinh, khai tử (Điều 30); (6)

Quyền đối với quốc tịch (Điều 31); (7) Quyền của cá nhân đối với hình ảnh (Điều 32); (8) Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể (Điều 33); (9) Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Điều 34); (10) Quyền hiến, nhận mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác (Điều 35); (11) Quyền xác định lại giới tính (Điều 36); (12) Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Điều 38); (13) Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình (Điều 39).

Như vậy, một số quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 đã không được tiếp tục ghi nhận trong Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó có Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Quyền tự do đi lại, cư trú; Quyền lao động; Quyền tự do kinh doanh; Quyền tự do nghiên cứu sáng tạo. Các quyền này thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, không chỉ gắn với lợi ích tinh thần của chủ thể, mà còn gắn với lợi ích khác về tài sản. Mặt khác, các quyền này cũng đã được các luật cụ thể quy định trong đó có Luật cư trú, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (Quốc hội đang xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo), Bộ luật lao động, các luật về đầu tư, doanh nghiệp, Luật sở hữu trí tuệ...

2. Nhiều quyền nhân thân trong Bộ luật dân sự năm 2015 đã được quy định cụ thể có thể áp dụng, thực hiện ngay không chờ văn bản hướng dẫn, như: Quyền có họ, tên (Điều 26), Quyền thay đổi họ (Điều 27), Quyền thay đổi tên (Điều 28), Quyền xác định, xác định lại dân tộc (Điều 29), Quyền của cá nhân đối với hình ảnh (Điều 32), Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể (Điều 33), Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Điều 34), Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Điều 38).

**Ví dụ 1:** Đối với Quyền đối với họ, tên, nếu như Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 26) chỉ quy định rất chung là:

*“1. Cá nhân có quyền có họ, tên. Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó.*

*2. Cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo họ, tên của mình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.*

*3. Việc sử dụng bí danh, bút danh không được gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.”*

Thì Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 26) quy định cụ thể như sau:

*“1. Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó.*

*2. Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ.*

*Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và được nhận làm con nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi. Trường hợp chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo họ của người đó.*

*Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và chưa được nhận làm con nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó hoặc theo đề nghị của người có yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em, nếu trẻ em đang được người đó tạm thời nuôi dưỡng.*

*Cha đẻ, mẹ đẻ được quy định trong Bộ luật này là cha, mẹ được xác định dựa trên sự kiện sinh đẻ; người nhờ mang thai hộ với người được sinh ra từ việc mang thai hộ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

*3. Việc đặt tên bị hạn chế trong trường hợp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.*

*Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ.*

*4. Cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo họ, tên của mình.*

*5. Việc sử dụng bí danh, bút danh không được gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.”*

**Ví dụ 2:** Đối với Quyền của cá nhân đối với hình ảnh, nếu như Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 31) chỉ quy định:

*“1. Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình.*

*2. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp vì lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng hoặc pháp luật có quy định khác.*

*3. Nghiêm cấm việc sử dụng hình ảnh của người khác mà xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.”*

Thì Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 32) quy định cụ thể như sau:

*“1. Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình.*

*Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý.*

*Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.*

*2. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp sau đây không cần có sự đồng ý*

của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ:

a) Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng;

b) Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

3. Việc sử dụng hình ảnh mà vi phạm quy định tại Điều này thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, bồi thường thiệt hại và áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”

**Ví dụ 3:** Đối với Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, nếu như Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 37) chỉ quy định chung là: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ” thì tại Điều 34 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định rất cụ thể:

“1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình.

Việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín có thể được thực hiện sau khi cá nhân chết theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc con thành niên; trường hợp không có những người này thì theo yêu cầu của cha, mẹ của người đã chết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

3. Thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được gỡ bỏ, cải chính bằng chính phương tiện thông tin đại chúng đó. Nếu thông tin này được cơ quan, tổ chức, cá nhân cất giữ thì phải được hủy bỏ.

4. Trường hợp không xác định được người đã đưa tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình thì người bị đưa tin có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố thông tin đó là không đúng.

5. Cá nhân bị thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì ngoài quyền yêu cầu bác bỏ thông tin đó còn có quyền yêu cầu người đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại.”

**Ví dụ 4:** Đối với Quyền bí mật đời tư, nếu như Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 38) chỉ quy định:

“1. Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

2. Việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự,

chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

thì tại Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định rất cụ thể:

“1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.

4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

3. Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định một quyền nhân thân mới của cá nhân mà Bộ luật dân sự năm 2005 chưa quy định đó là chuyển đổi giới tính (Điều 37). Điều 37 quy định: “Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan”. Quy định này nhằm tạo cơ chế pháp lý chống phân biệt đối xử với người chuyển đổi giới tính, bảo đảm họ có địa vị pháp lý bình đẳng như cá nhân khác và sự minh bạch trong thực hiện các quyền nhân thân, tài sản trong các quan hệ dân sự. Quy định tiến bộ này đã đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có quy định pháp lý cụ thể để bảo vệ quyền của người chuyển đổi giới tính nói riêng và quyền của nhóm người đồng tính, song giới, chuyển giới (LGBT) nói chung, phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc được thông qua vào tháng 9/2014 về nhân quyền.

4. Về bảo vệ quyền nhân thân. Khác với Bộ luật dân sự năm 2005 quy định

việc bảo vệ quyền nhân thân thành một điều riêng trong mục về quyền nhân thân (Mục 2, Điều 25), thì Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quyền nhân thân cũng là một quyền dân sự do vậy phương thức bảo vệ được quy định chung như việc bảo vệ các quyền dân sự khác, được thể hiện tại Điều 11 – Các phương thức bảo vệ quyền dân sự:

*”Khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:*

- 1. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của mình.*
- 2. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm.*
- 3. Buộc xin lỗi, cải chính công khai.*
- 4. Buộc thực hiện nghĩa vụ.*
- 5. Buộc bồi thường thiệt hại.*
- 6. Hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.*
- 7. Yêu cầu khác theo quy định của luật.”*

## **II. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TRIỂN KHAI THI HÀNH BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 VỀ QUYỀN NHÂN THÂN**

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên cho thấy, quy định về quyền nhân thân trong Bộ luật dân sự năm 2015 có nhiều thay đổi tiến bộ so với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, để bảo đảm chế định về quyền nhân thân cùng với các chế định khác của Bộ luật dân sự năm 2015 được thi hành thống nhất, đồng bộ, kịp thời và hiệu quả trên phạm vi cả nước từ ngày 01/01/2017, ngày 27/11/2015, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2015/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo, trong đó xác định một trong những nhiệm vụ cụ thể của Chính phủ trong năm 2016 và các năm tiếp theo là triển khai thi hành Bộ luật dân sự.

Để thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết số 111/2015/QH13, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự của Chính phủ và của Bộ Tư pháp, trong đó xác định nhiều biện pháp quan trọng để thi hành Bộ luật dân sự, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự nói chung, pháp luật về quyền nhân thân nói riêng. Trong đó có các hoạt động lớn như sau:

- 1. Tổ chức biên soạn tài liệu phục vụ việc quán triệt, phổ biến, tuyên**

## **truyền, tập huấn Bộ luật dân sự**

Thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Tư pháp đã kịp thời biên soạn tài liệu giới thiệu "Nội dung cơ bản của Bộ luật dân sự năm 2015" (Tài liệu tuyên truyền pháp luật) do cá nhân tôi làm chủ biên, cùng với sự tham gia của các đồng chí trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung của cuốn tài liệu này đã được sử dụng tại nhiều Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm... giới thiệu về Bộ luật dân sự năm 2015 của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, ở địa phương và là cơ sở để các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu riêng cho từng nhóm đối tượng cụ thể địa phương. Qua đó thể hiện ý nghĩa thiết thực trong công tác triển khai thi hành Bộ luật dân sự năm 2015 và đưa Bộ luật đi vào cuộc sống.

Hiện nay, Bộ Tư pháp cũng đang chuẩn bị tài liệu chuyên sâu về các chế định của Bộ luật dân sự năm 2015 để tập huấn cho các cán bộ làm công tác pháp luật và các chức danh tư pháp.

### **2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất ban hành văn bản mới cho phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015**

Tại mục 4 phần II Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 243/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Bộ luật dân sự năm 2015. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, tổ chức thực hiện một số hoạt động phục vụ công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Bộ luật dân sự năm 2015 nói chung, liên quan đến chế định quyền nhân thân nói riêng, cụ thể:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 276/QĐ-BTP ngày 25/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Triển khai công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Bộ luật dân sự năm 2015 tại 21 Bộ, ngành ở Trung ương;

- Tổ chức họp liên ngành về kết quả và những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự của Chính phủ, góp ý vào dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Bộ luật dân sự năm 2015;

- Lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành liên quan về dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Liên quan đến các nội dung về quyền nhân thân, như đã trình bày ở trên, chế

định quyền nhân thân có nhiều điểm mới tiến bộ hơn so với Bộ luật dân sự năm 2005, do đó, để bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức, áp dụng pháp luật và bảo đảm sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về quyền nhân thân thì bên cạnh Bộ luật dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan cũng cần được sửa đổi để bảo đảm sự phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 hoặc có hướng dẫn chi tiết đối với một số nội dung mới của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ví dụ:

(1) Cần rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hộ tịch để bảo đảm quy định thống nhất về trình tự, thủ tục hộ tịch đối với quyền về họ, tên, dân tộc, xác định lại giới tính...

(2) Đề tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của người chuyển đổi giới tính và để những người này được bình đẳng, không bị kỳ thị, bị phân biệt đối xử về địa vị pháp lý, về thực hiện, bảo vệ quyền, nghĩa vụ trong các quan hệ dân sự, tại Quyết định số 243/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự đã giao Bộ Y tế nghiên cứu, đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi giới tính.

Hiện nay, Bộ Y tế đang khẩn trương triển khai xây dựng dự án Luật này để trình Chính phủ, trình Quốc hội trong thời gian tới.

Như vậy, để việc chuyển đổi giới tính được thực thi trên thực tế, cần xây dựng, ban hành Luật chuyển đổi giới tính theo đúng chương trình xây dựng luật , pháp lệnh của Quốc hội . Trong Luật này, cần cụ thể hóa các quyền nhân thân của người chuyển đổi giới tính vào trong Luật này để bảo đảm quyền của người chuyển đổi giới tính.

Ngoài ra, để bảo đảm Bộ luật dân sự năm 2015 được thi hành thống nhất, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật dân sự của Thủ tướng Chính phủ còn đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam triển khai các nội dung hoạt động cụ thể để thi hành Bộ luật dân sự trong hệ thống cơ quan, tổ chức của mình và phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, trong đó, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia thực hiện hầu hết các hoạt động nêu trong Kế hoạch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam chủ yếu tham gia công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn về Bộ luật dân sự./.